**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN VÀ LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CHỨNG MINH NHÂN DÂN THUỘC**

**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5947/QĐ-BCA-C06*

*ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Thủ tục hành chính mới ban hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên thủ tục hành chính** | **Cơ quan**  **thực hiện** | **Lĩnh vực** | **Ghi chú** |
| **A. Thủ tục hành chính cấp trung ương** | | | | |
| 1 | Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | Cấp, quản lý Căn cước công dân |  |
| 2 | Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | Cấp, quản lý Căn cước công dân |  |
| **B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh** | | | | |
| 1 | Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | Công an cấp tỉnh | Cấp, quản lý Căn cước công dân |  |
| 2 | Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân | Công an cấp tỉnh | Cấp, quản lý Căn cước công dân |  |
| **C. Thủ tục hành chính cấp huyện** | | | | |
| 1 | Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | Công an  cấp huyện | Cấp, quản lý Căn cước công dân |  |
| 2 | Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân | Công an  cấp huyện | Cấp, quản lý Căn cước công dân |  |
| **D. Thủ tục hành chính cấp xã** | | | | |
| 1 | Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | Công an cấp xã | Cấp, quản lý Căn cước công dân |  |
| 2 | Thông báo số định danh cá nhân | Công an cấp xã | Cấp, quản lý Căn cước công dân |  |

**2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| **A. Thủ tục hành chính cấp trung ương** | | | | | |
| 1 | 1.001247 | Cấp thẻ Căn cước công dân khi thông tin công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 2 | 1.000952 | Cấp thẻ Căn cước công dân khi thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 3 | 1.000889 | Đổi thẻ Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 4 | 1.000757 | Cấp lại thẻ Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| 5 | 1.000466 | Xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội |
| **B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh** | | | | | |
| 1 | 2.000200 | Cấp thẻ Căn cước công dân khi thông tin công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp tỉnh |
| 2 | 2.001196 | Cấp thẻ Căn cước công dân khi thông tin công dân chưa trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp tỉnh |
| 3 | 2.001195 | Đổi thẻ Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp tỉnh |
| 4 | 2.001194 | Cấp lại thẻ Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp tỉnh |
| 5 | 2.001178 | Xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp tỉnh |
| **C. Thủ tục hành chính cấp huyện** | | | | | |
| 1 | 2.001177 | Cấp thẻ Căn cước công dân khi thông tin công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp huyện |
| 2 | 2.001174 | Cấp thẻ Căn cước công dân khi thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp huyện |
| 3 | 2.000408 | Đổi thẻ Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp huyện |
| 4 | 2.000377 | Cấp lại thẻ Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an.  - Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp huyện |
| 5 | 2.000677 | Xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân | - Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an.  - Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an.  - Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an. | Cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân | Công an cấp huyện |

**3. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính bị bãi bỏ** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| **A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh** | | | | | |
| 1 |  | Cấp Chứng minh nhân dân (9 số) | Luật Căn cước công dân | Cấp, quản lý Chứng minh nhân dân | Công an cấp tỉnh |
| 2 |  | Đổi Chứng minh nhân dân (9 số) | Luật Căn cước công dân | Cấp, quản lý Chứng minh nhân dân | Công an cấp tỉnh |
| 3 |  | Cấp lại Chứng minh nhân dân (9 số) | Luật Căn cước công dân | Cấp, quản lý Chứng minh nhân dân | Công an cấp tỉnh |
| **B. Thủ tục hành chính cấp huyện** | | | | | |
| 1 |  | Cấp Chứng minh nhân dân (9 số) | Luật Căn cước công dân | Cấp, quản lý Chứng minh nhân dân | Công an cấp huyện |
| 2 |  | Đổi Chứng minh nhân dân (9 số) | Luật Căn cước công dân | Cấp, quản lý Chứng minh nhân dân | Công an cấp huyện |
| 3 |  | Cấp lại Chứng minh nhân dân (9 số) | Luật Căn cước công dân | Cấp, quản lý Chứng minh nhân dân | Công an cấp huyện |